

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN ĐỒ SƠN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 27-5-2021  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Trọng Đạt

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Thế Sự

Bà Hoàng Thị Yến

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lưu Thị Hương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Việt Dũng- Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 10/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021, về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Tổ dân phố B, phường H, quận , thành phố Hải Phòng; nơi sinh sống: Thôn 1 (thôn N), xã M, huyện L, tỉnh Y; vắng mặt;

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Hoàng P, sinh năm 1993; nơi cư trú: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Trong Đơn khởi kiện đề ngày 23-3-2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Hoàng P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2013 tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Chị và anh P chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra xích mích, cãi nhau do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh P thường đi chơi game, không chịu tìm việc làm, sống không có trách nhiệm với vợ, con.

Do mâu thuẫn vợ chồng nên khoảng giữa năm 2014 chị đã đưa con nhỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở một thời gian; sau đó, được gia đình khuyên nên chị lại về chung sống với anh P. Tuy nhiên, anh P vẫn không thay đổi lối sống nên cuộc sống chung chỉ ổn định được một thời gian ngắn thì lại phát sinh mâu thuẫn. Từ đó, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng; cuộc sống của chị luôn nặng nề, mệt mỏi; tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, rạn nứt và chị không còn niềm tin vào anh P. Từ khoảng tháng 12-2014, chị lại đưa con về nhà mẹ đẻ ở thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Y sinh sống đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, hai bên bỏ mặc nhau, anh P cũng không có trách nhiệm với con. Đến nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh P.

Về con chung: Chị và anh P có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 30-01-2013. Từ khi chị và anh P sống ly thân, cháu Ph ở với chị. Hiện nay, chị làm công nhân, có thu nhập là 6.000.000 đồng/tháng; có chỗ ở ổn định cùng với bố mẹ đẻ của chị tại thôn N, xã M, huyện L nên đảm bảo cho việc nuôi con. Do vậy, chị nhận nuôi cháu Ph, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Biên bản lấy lời khai ngày 27-4-2021, anh P trình bày:*

- Về hôn nhân: Anh và chị C kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 2013 tại UBND phường H, quận Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng gia đình anh tại tổ dân phố B, phường H, quận Đ. Thời gian đầu chung sống, hai vợ chồng vẫn hòa thuận. Sau đó, anh đi làm ăn xa, ít có dịp về nhà nên tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Từ khoảng năm 2013, hai vợ chồng đã sống ly thân. Ngoài ra, do công việc, anh thường xuyên xa nhà nên chị C hay hiểu lầm về anh. Theo anh, để xảy ra tình trạng hôn nhân như vậy thì hai bên đều không có lỗi; nguyên nhân sâu xa nhất vẫn là hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau, không thông cảm và chia sẻ cho nhau trong cuộc sống hàng ngày. Cả hai bên đều đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả tốt hơn. Từ năm 2016, chị C đưa con về Y sinh sống cùng gia đình. Do không còn tình cảm với nhau nên anh không lên tìm chị C về chung sống. Anh thấy quan hệ hôn nhân đã không còn tồn tại từ lâu, tình cảm vợ chồng cũng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị C.

- Về con chung: Anh và chị C có một con chung tên là Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 30-01-2013. Do công việc anh thường đi làm xa, con còn nhỏ nên anh đồng ý để chị C nuôi cháu Ph. Anh sẽ tự thỏa thuận việc cấp dưỡng nuôi con chung với chị C, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tài liệu, chứng cứ Tòa án xác minh, thu thập được thể hiện:* Sau khi kết hôn, chị C và anh P chung sống hòa thuận, hạnh phúc được một thời thời gian ngắn thì xảy ra mâu thuẫn. Từ khoảng đầu năm 2014, chị C và anh P sống ly thân. Được sự động viên của hai bên gia đình nên chị C quay về chung sống với anh P. Tuy nhiên, sau đó, anh, chị lại xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau và xúc phạm nhau nhiều hơn, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Từ tháng 12-2014 đến nay, chị C và anh P lại sống ly

thân, không còn quan tâm đến cuộc sống chung, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Trong thời gian này, cháu Ph ở cùng chị C, được chăm sóc chu đáo, cuộc sống ổn định. Hiện nay, chị C là công nhân, có thu nhập và chỗ ở ổn định đủ điều kiện để nuôi con. Cháu Ph có nguyện vọng muốn ở cùng chị C sau khi chị C và anh P ly hôn.

Do anh P vắng mặt tại phiên hòa giải nên Tòa án chỉ tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ theo khoản 2 Điều 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ cho anh P theo khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đại diện Viện Kiểm sát phát biểu về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh P; giao cháu Ph cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, chị C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các đương sự, kết quả xác minh, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Vụ án có quan hệ tranh chấp về ly hôn và nuôi con chung, bị đơn là anh Nguyễn Hoàng P; cư trú tại: Tổ dân phố B, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C và bị đơn là anh P vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về hôn nhân:

[3] Chị C và anh P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đủ độ tuổi kết hôn, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng theo Giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 18-01-2013. Quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh P là hợp pháp theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[4] Các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án xác định: Chị C và anh P kết hôn từ năm 2013, chung sống hòa thuận đến khoảng đầu năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn. Do vợ, chồng thiếu niềm tin vào nhau, nghi ngờ tình cảm của nhau, anh P thiếu sự quan tâm đến vợ, con nên anh, chị thường xuyên cãi nhau và xúc phạm nhau. Khoảng giữa năm 2014, do mâu thuẫn vợ chồng nên anh, chị đã từng sống ly thân, sau đó lại quay về chung sống. Tuy nhiên, chỉ chung sống với nhau một thời gian ngắn, anh, chị lại phát sinh mâu thuẫn, cãi nhau và xúc phạm nhau nhiều hơn. Bản thân chị C và anh P đã tự tìm cách khắc phục, giải quyết mâu thuẫn để chung sống hạnh phúc, cùng nhau nuôi dạy con cái; hai bên gia đình cũng đã tích cực tác động, khuyên giải nhiều lần nhưng tình trạng hôn nhân vẫn không thể cải thiện được. Từ tháng 12-2014 đến nay, chị C và anh P lại sống ly thân, mỗi người một nơi, không còn quan tâm đến nhau, bỏ mặc nhau, không có trách nhiệm vợ chồng đối với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị C và anh P đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có nguyện vọng hòa giải để hàn gắn tình cảm, quay về đoàn tụ và đều đồng ý ly hôn. Xét thấy, chị C và anh P đã không còn tình cảm với nhau; không thương yêu, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ, chung sống với nhau, không tôn trọng nhau; vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19 và Điều 21 của Luật Hôn nhân và gia đình, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài. Vì vậy, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh P theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: Chị C và anh P có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 30-01-2013. Xét thấy, trong khoảng thời gian chị C và anh P sống ly thân, cháu Ph chung sống ổn định cùng chị C, được chăm sóc chu đáo; cháu Ph có nguyện vọng muốn ở cùng chị C; chị C có chỗ ở và thu nhập ổn định đảm bảo điều kiện để nuôi dạy con; anh P cũng đồng ý giao con cho chị C nuôi dưỡng; việc giao cháu P cho chị C nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của đương sự và của cháu P, đảm bảo quyền lợi của cháu P. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu về nuôi con chung của chị C; giao cháu Ph cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị C và anh P không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị C và anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đây là vụ án ly hôn, chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Chị C và anh P không có mặt tại phiên tòa nên đều có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Nguyễn Hoàng P.

2. Về nuôi con chung:

2.1 Giao cháu Nguyễn Hoàng Ph, sinh ngày 30 tháng 01 năm 2013 cho chị C trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 (*Mười tám*) tuổi. Chị C và anh P không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Hoặc cho đến khi chị C và anh P có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con, về cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

2.2 Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, theo Biên lai thu tạm ứng án phí tòa án số 0007189 ngày 25 tháng 3 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng, chị C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị C và anh P có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của

Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đ;
- Chi cục THADS quận Đ;
- UBND phường H, quận Đ;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Trọng Đạt**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thế Sự      Hoàng Thị Yến**

**Vũ Trọng Đạt**

